

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16.4.2020

*V/v: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Kh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang S và ông Phạm Hữu A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh BT tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Tr – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T Q, xã S Ph, huyện HT, tỉnh BT.

- Bị đơn: Anh Đồng Văn Vân, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T Q, xã S Ph, huyện HT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị L trình bày:

- ***Về hôn nhân:*** Chị và anh Đồng Văn V tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2001 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống được mấy năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể sống chung được. Từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không liên quan đến nhau. Đến tháng 11/2019 cho đến nay thì anh V đã bỏ đi làm

thuê ở huyện T L, chỉ về một vài lần nhưng không nói chuyện gì với nhau rồi anh đi lại. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết, không công nhận hôn nhân giữa chị và anh Đồng Văn V.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, chị L và anh V có 03 con chung là: Đồng Thị Ng, sinh ngày: 09/12/2002, cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 17/5/2005 và cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 13/12/2006. Nguyên vọng của chị L là xin nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị L tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Đồng Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện H T tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Đối với đương sự thì nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn là anh Đồng Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng giữa chị Phan Thị L và anh Đồng Văn V tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2001 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chỉ được mấy năm đầu là anh chị sống vui vẻ hạnh phúc; Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, anh chị thường xuyên cãi vã đến mức không thể sống chung được do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 11/2019 cho đến nay thì anh V đã bỏ đi làm thuê ở T L, ít khi về nhà. Nay chị L xác định tình cảm giữa chị và anh L không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết, không công nhận hôn nhân giữa chị và anh Đồng Văn V. Xét yêu cầu không công nhận hôn nhân của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Về con chung, đề nghị giao các cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 09/12/2002, cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 17/5/2005 và cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 13/12/2006 cho chị L nuôi dưỡng; Anh Đồng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H T tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án*: Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H T.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do; Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là anh Đồng Văn V không trình bày ý kiến và cũng không tham gia tố tụng nên xác định bị đơn đã từ bỏ các quyền tham gia tố tụng của mình. Do đó, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định giữa chị Phan Thị L và anh Đồng Văn V tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2001 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chỉ được mấy năm đầu là anh chị sống vui vẻ hạnh phúc; Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, anh chị thường xuyên cãi vã đến mức không thể sống chung được do bất đồng quan điểm sống. Kể từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và từ tháng 11/2019 cho đến nay thì anh Văn đã bỏ đi làm thuê ở T L, ít khi về nhà. Nay chị L xác định tình cảm giữa chị và anh V không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết, không công nhận hôn nhân giữa chị và anh Đồng Văn V. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT và yêu cầu không công nhận hôn nhân của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[3.2]. *Về con chung*: Trong quá trình sống chung, chị L và anh V có 03 con chung là: Đồng Thị Ng, sinh ngày: 09/12/2002, cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 17/5/2005 và cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 13/12/2006. Nguyên vọng của chị L là xin nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020, các cháu Đồng Thị Ng, Đồng Thị Ng và Đồng Thị Ng đều muốn được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của các cháu và chị L là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu nuôi các con chung của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. *Về chia tài sản và nợ*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Phan Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị L và anh Đồng Văn V.

Về con chung: Giao các cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 09/12/2002, cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 17/5/2005 và cháu Đồng Thị Ng, sinh ngày: 13/12/2006 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh Đồng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0029139 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện HT;
- THA dân sự huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Kh